

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 15-12-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thùng Văn Liên

Ông Nguyễn Văn Tiếp

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Sao - Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà:

Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 03/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/ QĐXXST-HS ngày 05/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cháng A T**; sinh ngày: 13/7/2001 tại huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cháng A T, sinh năm 1954 và bà Sùng Thị D, sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Cháng A T: Ông Bùi Đình Minh, sinh năm 1958, Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Số 29, Phố 5, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bị hại: Ông Cháng A S, sinh năm 1974; bà Giàng Thị C, sinh năm 1974; **Cùng cư trú tại: Bản B, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. (Bà C ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019), có mặt.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Vàng A P, sinh năm 1963; anh Vàng A C, sinh năm 2000; Cùng cư trú tại: Bản M, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Vàng A D, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Bản V, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 15/7/2019, Cháng A T đi bộ từ nhà ở bản B, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên lên khu vực bãi chăn thả trâu ở bản B để trộm cắp trâu. Khi tới bãi chăn thả trâu, Cháng A T thấy ở bãi có khoảng 50 con trâu, quan sát xung quanh không thấy có người trông coi, T tiến lại gần 01 con trâu cái, màu đen đang buộc vào cọc tại bãi chăn thả. Cháng A T đã tháo dây thừng để dắt trâu đi nhưng do dây ngắn, nên T đã tháo đoạn dây thừng đang buộc ở con trâu khác rồi nối vào sợi dây thừng đang buộc vào con trâu mà T trộm cắp. Sau đó, T dắt trâu ra khỏi bãi, lên quốc lộ 4H, rồi đi theo hướng về xã H, huyện N để tìm chỗ tiêu thụ con trâu vừa trộm cắp được.

Đến khoảng 06 giờ ngày 16/7/2019, Cháng A T dắt trâu khu vực Km45, quốc lộ 4H thuộc bản Mo Công, xã H, huyện N. Tại đó T thấy 01 xe ô tô chở trâu đỗ cạnh nhà người dân, nên đã vào nhà hỏi thì gặp ông Vàng A P, T hỏi ông P là "Có mua trâu không?", ông P trả lời là "Có". Sau đó, T đã dẫn ông P và con trai ông P là anh Vàng A C đi xem trâu. Sau khi thỏa thuận, T nhất trí bán cho ông P con trâu trộm cắp được với giá 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng. Ông P yêu cầu T dắt trâu về nhà ông P và cùng với anh Chang lên Ủy ban nhân dân xã H làm thủ tục mua bán trâu xong thì ông P mới trả tiền cho T. Do trâu không có giấy tờ xác nhận của chủ trâu và trưởng bản, nên khi T và anh Chang lên Ủy ban nhân dân xã H, gặp anh Vàng A D là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thì anh D trả lời là không làm thủ tục mua bán được. Sau đó, T và anh Chang quay về nhà ông P. Ông P tiếp tục yêu cầu T đi làm giấy xác nhận mua bán trâu với chủ trâu và có chữ ký của trưởng bản nhưng T không làm được. Nghi ngờ con trâu mà T mang bán cho ông P là tài sản trộm cắp nên ông P đã báo Công an xã H đến giải quyết, do sợ bị phát hiện nên T đã bỏ trốn. Đến ngày 19/7/2019 Cháng A T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bắt tạm giam.

Vật chứng mà cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 con trâu cái, màu đen, khoảng 07 tuổi, có sừng cong dài khoảng 50 cm, tai bên trái của con trâu có vết rách dài 07 cm và 01 đoạn dây thừng màu đỏ, dài 1,5 mét, đường kính 0,6 cm.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 41/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận 01 con trâu cái màu đen, khoảng 07 tuổi, trâu khỏe mạnh bình thường có giá 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác minh con trâu cái màu đen, khoảng 07 bị Cháng A T trộm cắp là trâu của vợ chồng anh Cháng A S và chị Giàng Thị Chu ở bản B, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Ngày 22/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại con trâu cái cho anh Sinh và chị Chu, đại diện là anh Sinh đã nhận lại tài sản (Theo biên bản về việc trả lại tài

đồ vật tài liệu ngày 22/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N). Anh Cháng A S không yêu cầu Cháng A T bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKSNP ngày 03/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Cháng A T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Cháng A T về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Cháng A T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Cháng A T nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát về điều luật, tội danh đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Cháng A T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Cháng A T đã khai nhận, khoảng 21 giờ 00 phút ngày 15/7/2019, Cháng A T đã có hành vi trộm cắp 01 con trâu cái, màu đen, khoảng 07 tuổi, trị giá 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng của vợ chồng anh Cháng A S ở khu vực bãi chăn thả trâu thuộc bản B, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Sau đó, Cháng A T đã dắt trâu tới khu vực Km45, thuộc bản Mo Công, xã H, huyện N để tiêu thụ. Mục đích trộm cắp trâu của Cháng A T là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù

hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ cũng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Cháng A T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã S, huyện N, khiến cho người dân không yên tâm lao động, sản xuất vì tài sản của họ luôn bị đe dọa trộm cắp. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật để giữ vững kỷ cương của pháp luật góp phần đẩy lùi tội phạm trong xã hội và làm gương răn đe giáo dục các đối tượng khác đang và đã có hành vi như bị cáo nhưng chưa bị phát hiện, xử lý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Cháng A T sinh ra và lớn lên tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo xuất thân trong gia đình nông dân, lao động, bản thân không chịu tu dưỡng, rèn luyện nên đã phạm tội trong vụ án này. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi mới 18 tuổi 03 ngày nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hành vi phạm tội chỉ là bột phát. Ngoài ra, trong thời gian bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (từ ngày 19/7/2019 đến ngày xét xử 05/11/2019 là 03 (ba) tháng 20 (hai mươi) ngày) cũng đã đủ răn đe, giáo dục và giúp bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời thể hiện được tính nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Đề nghị tuyên bố bị cáo Cháng A T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Cháng A T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Cháng A T có nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Luật sư là có căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của luật sư cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự về hình phạt bổ sung, HĐXX xét thấy bị cáo sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo mới thành niên, không có tài sản giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đại diện bị hại là anh Cháng A S đã nhận được tài sản là con trâu bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo Cháng A T bồi thường thiệt hại (theo biên bản thỏa thuận ngày 25/7/2019) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng của vụ án là 01 con trâu cái, màu đen, khoảng 07 tuổi, có sừng cong dài khoảng 50 cm, tai bên trái của con trâu có vết rách dài 07 cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho đại diện bị hại là anh Cháng A S theo biên bản về việc trả lại đồ vật ngày 22/7/2019. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, việc trả lại vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 đoạn dây thừng màu đỏ, dài 1,5 mét, đường kính 0,6 cm do bị hại tự nguyện giao nộp, cần phải tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

[11] Đối với ông Vàng A P và anh Vàng A C là người có ý định mua con trâu mà bị cáo Cháng A T trộm cắp được. Tuy nhiên, sau khi yêu cầu Cháng A T đi làm giấy tờ xác nhận mua bán trâu, thì bị cáo không làm được nên ông P đã nghi ngờ con trâu đó là tài sản trộm cắp. Sau đó, ông P đã trình báo với cơ quan có thẩm quyền, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Cháng A T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống tại bản B, xã S, huyện N là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên HĐXX miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo;

[13] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cháng A T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo: Xử phạt bị cáo Cháng A T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/11/2019). Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Cháng A T đang bị tạm giam, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Cháng A T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Cháng A T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) đoạn dây thừng màu đỏ, dài 1,5 mét, đường kính 0,6 cm (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 04/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Cháng A T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND Tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an N;
- Cơ quan THAHS CA N;
- Chi cục THA dân sự N;
- PC 81(THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu. Hồ sơ VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thành